

Nghi lễ cưới xin của người Brâu ở Việt Nam hiện nay

Lê Thị Mùi¹

¹ Viện Dân tộc học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: lehuongmui@gmail.com

Nhận ngày 9 tháng 3 năm 2021. Chấp nhận đăng ngày 12 tháng 5 năm 2021.

Tóm tắt: Lễ cưới là nghi lễ độc đáo của người Brâu, phản ánh được đặc điểm văn hóa và ước vọng về một cuộc sống hạnh phúc của họ. Trong xu hướng phát triển chung của xã hội, mặc dù một số nguyên tắc trong hôn nhân truyền thống của người Brâu vẫn được duy trì như lễ cưới tổ chức theo thứ tự (lễ dạm hỏi, lễ cưới), song nhiều khía cạnh của văn hóa truyền thống trong nghi lễ cưới xin của người Brâu đã bị thay đổi bởi các yếu tố kinh tế - văn hóa, xã hội. Bài viết² này xem xét việc duy trì lễ cưới truyền thống, đồng thời nêu lên thực trạng về những biến đổi trong nghi lễ cưới xin của người Brâu hiện nay, nhằm góp phần vào việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của các tộc người có dân số ít ở Việt Nam nói chung, dân tộc Brâu nói riêng.

Từ khóa: Dân tộc Brâu, lễ cưới, hôn nhân.

Phân loại ngành: Nhân học

Abstract: The wedding ceremony is an important ceremony of the Brau and reflects their cultural characteristics and aspirations for a happy life. In the general development trend of society, although some traditional marriage principles of the Brau have been maintained such as the engagement ceremony, the wedding ceremony. However, many aspects of the culture have been changed in the Brau wedding ceremony under the effects of economic, cultural and social factors. These changes are reflected in the rituals and attitudes of the Brau people in how they organize wedding (such as: wedding time, preparation for the wedding ceremony, clothes for bride and bridegroom...). The article examines the maintenance of the traditional wedding ceremony and mentions the situation of the changes in the current wedding ceremony of the Brau, in order to contribute to the preservation and promotion of the traditional cultural values of the ethnic minority has few populations in Vietnam in general, the Brau in particular.

Keywords: Brau ethnic group, wedding ceremony, marriage.

Subject classification: Anthropology

1. Mở đầu

Người Brâu thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ-me. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, trong Tổng điều tra Dân số và Nhà ở công bố ngày 01 tháng 4 năm 2019, dân số Brâu trên cả nước là 525 người, hiện cư trú chủ yếu tại làng Đắc Mế, xã Bờ Y, huyện Ngọc Hồi, cách cửa khẩu Quốc tế Bờ Y 10 km và thành phố Kon Tum gần 100 km. Đây là vùng thung lũng khá bằng phẳng dưới chân núi Hồi, núi Hơ Niêng và giữa khu vực dòng chảy của sông Đắc Sú, sông Bờ Y, hồ A Jong, suối Hơ Jang và suối Lơ Ma (Bùi Ngọc Quang, 2017, tr.13).

Theo số liệu khảo sát của chúng tôi vào tháng 12 năm 2020, tại làng Đắc Mế có 170 hộ gia đình với 548 nhân khẩu. Sau khi trừ ra 56 người thuộc thành phần dân tộc khác là dân, rẽ đến cư trú sau hôn nhân thì dân số Brâu là 492 người³.

Theo khảo sát về lịch sử tộc người Brâu của tác giả Bùi Ngọc Quang (2004) và tài liệu nghiên cứu về người Brâu ở Việt Nam, đây là nhóm tộc người di cư từ vùng Ô Tum (Nam Lào) đến Việt Nam khoảng 160 - 170 năm trước (từ 6 - 7 thế hệ). Hiện tại, cộng đồng người Brâu ở xã Bờ Y đều có quan hệ gần gũi với người Brâu vùng Ô Tum (Lào).

Cưới xin là việc quan trọng trong cuộc đời của mỗi con người, do vậy, tục lệ cưới xin rất quan trọng, không chỉ là việc của cá nhân hay gia đình, mà còn thể hiện được nét đặc trưng văn hóa của mỗi dân tộc. Tục lệ cưới xin thường trải qua nhiều nghi lễ phức tạp, mỗi dân tộc ở Việt Nam đều có những nghi lễ riêng của mình, nhưng đều thông qua các bước như: dạm hỏi, ăn hỏi và đám cưới chính thức. Đối với dân tộc Brâu ở Đắc Mế, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum, để có được một hôn nhân chuẩn theo phong tục tập quán, họ cũng trải qua các bước như:

tìm hiểu, làm lễ dạm ngõ (hay lễ trao vòng) và chọn người làm mối, lễ cưới và các nghi thức trước, trong và sau lễ cưới.

2. Thực trạng trong các nghi lễ cưới xin của người Brâu

Xưa kia, trai gái Brâu đến tuổi yêu đương tự do tìm kiếm bạn đời, cũng có khi do cha mẹ sắp đặt, hoặc do mai mối hợp tác: “tìm hiểu, yêu đương hay mới chỉ độ thích nhau là thế, song để có thể thành đôi lứa, vai trò của bố mẹ, đặc biệt là vai trò làm mai mối của ông cậu vẫn cực kỳ quan trọng...” (Nguyễn Thế Huệ, 2001, tr.56). Tuổi kết hôn của người Brâu tương đối sớm, trước đây, trai gái Brâu cứ đến 13 - 14 tuổi là cha mẹ đã lo việc dựng vợ, gả chồng. Những năm gần đây, do làm tốt công tác tuyên truyền vận động và quản lý hành chính ở cơ sở, nên tuổi kết hôn của người Brâu đã được nâng lên nhưng không đáng kể, vẫn ở mức: nữ là 16 - 18, nam là 18 - 20 tuổi và hiện tượng tảo hôn vẫn còn xảy ra (Bùi Ngọc Quang, 2017, tr.1164).

Ngày nay, trước khi đi tới hôn nhân, nam nữ Brâu được chủ động giao tiếp ở mức độ nhất định, được tự do tìm hiểu, được thổ lộ tình cảm của mình với người mình yêu vào các dịp hội hè, lễ tết, các buổi chợ phiên trên huyện, những ngày cưới của bạn bè, các buổi lao động chung trong bản. Đây là những dịp để nam nữ thanh niên Brâu thổ lộ tình cảm với nhau bằng những lời hay ý đẹp. Ngoài ra, trai gái Brâu hiện nay thường tự làm quen nhau qua mạng Zalo, Facebook, điện thoại. Do đó, vấn đề hôn nhân hỗn hợp giữa người Brâu với các tộc người khác hiện nay cũng phổ biến hơn trước. Một phụ nữ người Nùng cho biết: “Mình là người

Nùng và chồng mình là người Brâu, bọn mình quen nhau qua Facebook (tháng 4/2017), kết bạn 1 tháng thì hẹn nhau qua nhắn tin trên Facebook, sau chồng mình từ dân quân xuống nhà bác gần nhà mình chơi (nhà mình có quen nhà bác), chị gái nhà bác rủ mình qua nhà chị ấy làm đồ ăn (vì nhà bác hôm đó làm liên hoan cho một chú đi làm), liên hoan xong bọn mình đi hát karaoke, rồi chồng mình xin số điện thoại gọi điện nhắn tin rủ đi chơi, từ đó cứ gặp nhau rồi đi chơi (từ tháng 5/2017)” [Phỏng vấn sâu (PVS): Hoàng Y Ph... - nữ, dân tộc Nùng, 19 tuổi, thôn Đắc Mế, tháng 12/2020].

Trước đây, vào những buổi tối các chàng trai, cô gái trong bản thường rủ nhau ra tụ tập ở nhà rông theo từng tốp, từng nhóm để chuyện trò, vui đùa, ca hát cho nhau nghe. Nếu trong tốp có chàng trai hay cô gái nào thích nhau, họ thường bộc lộ, ra tín hiệu cho nhau biết và dần dần chàng trai khi nhận được tín hiệu từ cô gái thì sẽ tỏ tình để cô gái tiếp nhận tình cảm của mình. Khi hai bên tiếp nhận được tình cảm của nhau và khi tình yêu của họ đến độ chín muồi, chàng trai sẽ về thưa chuyện với gia đình (bố, mẹ) mình chọn ngày, chọn người mối (*gia vu*) là người có tài ăn nói, để đến nhà gái gặp gỡ, nói chuyện đặt vấn đề cho phép chàng trai và cô gái được qua lại với nhau. Ngày nay, cách đây mấy năm do nhà rông của bản bị cháy, nên các đôi trai gái thường hẹn hò nhau qua quán trà, nước, quán tạp hóa ngay trong bản để gặp gỡ giao lưu trò chuyện.

2.1. Lễ dạm hỏi hay lễ trao vòng (*đoók gia vu*)

Lễ dạm hỏi (*đoók gia vu*) là buổi lễ nhà trai chính thức thăm dò thái độ của nhà gái, buổi lễ được thực hiện với hai lý do: thứ

nhất, sau khi đã quen biết nhau, đồng ý lấy nhau, đôi trai gái về báo với cha mẹ hai bên; thứ hai, cha mẹ của chàng trai chấp thuận thì sẽ cùng với người thân trong gia đình (nếu còn bà nội của chàng trai thì bà nội và bố mẹ cùng anh chị em trong gia đình) sang nhà gái nói chuyện, đặt vấn đề, đồng thời để thăm dò ý kiến về chuyện của đôi bạn trẻ. Trước đây, khi tình yêu của đôi trai gái đã chín muồi, chàng trai về thưa chuyện với cha mẹ, việc đầu tiên gia đình phải làm là chọn người có tài ăn nói để làm ông mối (*gia vu*), ông mối có nhiệm vụ thăm dò, tìm hiểu về gia đình cô gái và đánh tiếng, ước hỏi chuyện trăm năm cho đôi lứa. Nếu thấy gia đình cô gái có vẻ ưng thuận, ông mối báo với nhà trai chuẩn bị lễ vật, chọn ngày lành, tháng tốt để sang nhà cô gái tiến hành lễ trao vòng cầu hôn hay còn gọi là lễ dạm hỏi, lễ này được tiến hành sau khi lời đề nghị của ông mối được nhà gái chấp nhận (Bùi Ngọc Quang, 2017, tr.55-57). Tuy nhiên, ngày nay hầu như việc mời ông mối đã không còn nữa, các đôi trai gái yêu nhau đến độ chín muồi sẽ về báo với cha mẹ hai bên gia đình đến gặp gỡ nói chuyện và thống nhất việc hôn nhân của đôi trai gái. Một phụ nữ người Nùng lấy chồng người Brâu cho biết: “Khi gặp mặt gia đình (lúc này là tháng 10/2017) thì có bố mẹ chồng và bà ngoại bên chồng, phía nhà mình thì có mẹ mình và bố dượng mình. Sau khi hai bên gia đình đã nói chuyện, đồng thời chắc chắn để đôi trai gái lấy nhau, thì chàng trai từ hôm đó có thể ở lại luôn bên nhà gái”. (PVS: Hoàng Y Ph... - nữ, dân tộc Nùng, 19 tuổi, lấy chồng là người Brâu, thôn Đắc Mế, tháng 12/2020). Do đó, lễ dạm hỏi là một buổi lễ rất quan trọng đối với người Brâu, vì nhà trai muốn biết được ý kiến của nhà gái về việc thành hôn của đôi trẻ như thế nào. Thông thường, buổi lễ dạm hỏi chỉ mang tính chất thăm dò, nên đồ lễ nhà trai

mang sang nhà gái rất đơn giản, trước đây, và cho đến ngày nay, khi nhà trai sang nhà gái để dạm ngõ sẽ mang theo lễ vật (1 con gà, 1 con heo, 1 bình rượu cần) gọi là *đoóc gia vư* (Đặng Nghiêm Vạn và cộng sự, 1981, tr.279).

Trước đây, trong lễ trao vòng cầu hôn, người con trai Brâu phải chuẩn bị đủ 4 loại vòng: vòng đeo tay (*coong mắtt*), vòng đeo tay loại xoắn (*coong slinh*), vòng đeo chân (*coong rắmm*), vòng đeo cổ (*dưk*) để trao cho cô gái. Việc này cũng tương tự như trao vòng bạc, vòng vàng, trao nhẫn vàng, cầu hôn của các tộc người khác ở Việt Nam (Bùi Ngọc Quang, 2017, tr.56). Ngày nay, tùy vào tình hình thực tế cũng như tùy vào yêu cầu cũng như đáp ứng của hai bên, thế hệ trẻ ngày nay đều được kế thừa chiếc vòng hồi môn của bà nội/bà ngoại để lại và mang tặng cho cô gái (cháu dâu) thay vì chàng rể phải đi tìm kiếm vòng để tặng cho cô gái như trước đây. Cô gái người Nùng lấy chồng người Brâu kể lại: “Bà ngoại bên chồng mang theo lễ vật là 1 dây chuyền của bà và 1 váy dân tộc, 1 áo trắng trao cho mình” (PVS: Hoàng Y Ph..., nữ, dân tộc Nùng, 19 tuổi, lấy chồng là người Brâu, thôn Đắc Mế, tháng 12/2020). Đặc biệt, đôi với các trường hợp người con gái Brâu lấy chồng là người dân tộc khác, thông thường những lễ vật của lễ dạm hỏi đôi khi phụ thuộc vào sự thống nhất của hai bên gia đình, có thể theo phong tục của người Brâu và có thể không.

Lễ trao vòng cầu hôn của người Brâu được tiến hành sau khi lời đề nghị của bên phía nhà trai được nhà gái chấp nhận cùng với những lễ vật như đã trình bày ở trên. Điều đó có nghĩa là, lúc này lễ trao vòng cầu hôn diễn ra thuận lợi khi mọi việc được hai bên gia đình và đôi trai gái chấp nhận một cách tự nguyện, vui vẻ, đôi trai gái lúc

này xem như được tự do quan hệ cả tâm hồn và thể xác, chính thức gọi nhau là vợ chồng. Một phụ nữ người Brâu cho biết: “Ở đây bọn em quan niệm nếu 2 bên gia đình đã gặp nhau là được gọi là vợ chồng và được sống cùng nhau. Còn đợi đến lúc đủ tuổi kết hôn thì sẽ tổ chức cưới, nên thường khi cưới là đều có con cái hết rồi, tầm 14 - 15 tuổi là đã về ở với nhau và có con nên phải đợi đến khi đủ tuổi kết hôn thì mới tổ chức cưới và đăng ký kết hôn luôn” (PVS. Y C. - nữ, người Brâu, 26 tuổi, thôn Đắc Mế, tháng 12/2020).

Có thể nói, lễ dạm hỏi của người Brâu hiện nay vẫn giữ được những lễ vật như trước kia, trong lễ này, lứa tuổi của các đôi trai gái vẫn là dưới 16 (tức chưa nằm trong độ tuổi để kết hôn), đồng thời, theo quan niệm của họ, sống cùng nhau ở độ tuổi này và có con, đợi đến khi đủ tuổi thì mới tổ chức cưới xin và đăng ký kết hôn. Theo Luật Hôn nhân và Gia đình, “tảo hôn” là tình trạng lấy vợ, lấy chồng khi một bên (nam hoặc nữ) hay cả hai bên chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định: nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên (Quốc hội, 2014). Trên thực tế, những đôi trai gái này đã gọi nhau là vợ chồng và sinh con trước hôn nhân, điều đó càng chứng minh rằng, vấn đề “tảo hôn” của người Brâu hiện nay vẫn đang diễn ra, việc đăng ký kết hôn xem như là việc “đối phó” để hợp với pháp lý trong hôn nhân mà thôi, bởi khảo sát cho thấy, trong thôn Đắc Mế rất ít trường hợp đăng ký kết hôn trước khi về ở cùng nhau và sinh con. Đặc biệt, đa phần các đôi trai gái thường quan hệ tình dục với nhau rồi mới về báo gia đình hai bên gặp mặt nhau để làm lễ dạm hỏi. Một phụ nữ Brâu cho biết: “Tháng 9, hai đứa đã có quan hệ (do chồng mình lúc đó uống rượu say ngủ nhà mình, say nên mình cho vào phòng mình ngủ, tự chồng mình vào phòng tôi đấy,

mình và chồng mình ngủ luôn từ đây và sau đây thì tối nào chồng mình cũng xuống ngủ, sau thì mình được chồng dẫn lên nhà chồng chơi bình thường, được mấy ngày thì chồng nói để bữa sau gọi điện cho bố mẹ vợ báo bên nhà chồng lên gặp mặt. Đến tháng 10/2017, bọn mình về báo 2 gia đình gặp mặt nhau (làm lễ dạm hỏi), lúc này mình mới 16 tuổi”; “Ở đây hiện nay có các em sinh năm từ 2001-2002 đã sống thử với nhau rồi mới cưới, tức là các em ý sống trước với nhau mặc dù hai bên gia đình chưa gặp nhau” (PVS. Y C... - nữ, người Brâu, 26 tuổi, thôn Đắc Mế, tháng 12/2020). Như vậy, cả trước đây và cho đến ngày nay, trai gái Brâu vẫn quan hệ tình dục trước hôn nhân ở độ tuổi vị thành niên (13 - 16 tuổi).

2.2. Lễ ăn hỏi

Trước đây, người Brâu chỉ có lễ dạm hỏi xong thì đến lễ cưới, tuy nhiên ngày nay, do xu hướng giao lưu văn hóa cũng như hôn nhân hỗn hợp giữa các dân tộc với nhau (Brâu - Nùng, Tày, Thái, Kinh...), và cả với người nước ngoài (Lào, Campuchia), nên một số gia đình Brâu có con kết hôn với các dân tộc khác như Kinh, Nùng, Thái... hiện nay có thêm lễ ăn hỏi (theo người Kinh). Sau khi lễ dạm hỏi đã hoàn tất, đôi trai gái được ở cùng nhau tại nhà ngoại, khi đã ở cùng nhau, đã quan hệ vợ chồng theo đúng nghĩa, người vợ lúc này có thai, người chồng sẽ về báo với bố mẹ chọn ngày lành tháng tốt để sang nhà gái làm lễ ăn hỏi cho đôi trai gái này. Một người phụ nữ dân tộc Nùng cho biết: “Chồng về báo bố mẹ và đợi qua tết lên ăn hỏi (6/2/2018, lúc này mình đã có bầu 4 tháng rồi)” (PVS: Hoàng Y Ph... - nữ, dân tộc Nùng, 19 tuổi, lấy chồng là người Brâu, thôn Đắc Mế, tháng 12/2020).

Lễ ăn hỏi được tổ chức tại nhà gái, còn nhà trai chuẩn bị mang lợn và rượu đến để làm lễ, nếu gia đình khá giả thì lễ vật là trâu, bò và nhiều rượu, ít thì cũng phải có heo, gà và rượu, đủ dùng cho hai bên gia đình và nội ngoại, họ hàng gần để làm chứng cho đôi trai gái. Cô gái người Nùng tiếp tục chia sẻ: “Khi đi ăn hỏi thì bên chồng có 3 dì, cậu, bà ngoại và họ hàng gần, còn bên nhà mình có bác cả, bác [thứ] hai, bác [thứ] ba, cùng anh em họ hàng gần, để làm chứng cho 2 đứa, lúc này là nhà chồng mang 1 con lợn tầm khoảng 1 tạ và mấy bình kê rượu cần”. Bên phía nhà gái sẽ chuẩn bị cơm nước, gồm có các món: canh, thịt nướng, thịt luộc, món xào, xôi, cơm... Sau khi đã nấu nướng pha chế thành từng món để lên mâm, cả hai bên gia đình họ hàng cùng nhau ăn uống tại nhà gái, và kể từ đây chàng trai ở lại luôn bên nhà cô gái cho đến khi cô gái sinh con hoặc đến khi tổ chức cưới xin thì cả hai mới về ở hẳn bên nhà chồng, tùy vào điều kiện và sự thống nhất của hai bên. Cô gái người Nùng còn cho biết: “Tháng 5/2018, chồng xuống ở hẳn vì lúc đó là ra khỏi dân quân về ở với nhà ngoại đợi đến tháng 8/2018 thì mình sinh con gái đầu lòng, mình sinh con được 6 tháng (lúc sinh con là cả hai gia đình đều lo chung, mẹ chồng vẫn xuống chăm cháu và mua đồ ăn cho mình), vợ chồng mình sau đó tổ chức cưới vào ngày 21/1/2019, lúc này bọn mình về ở chung luôn với bố mẹ bên chồng, đến 31/12/2019 vợ chồng mình mới đi đăng ký kết hôn (vì lúc này mình mới đủ tuổi để đăng ký kết hôn)”. Như vậy, tùy vào tình hình thực tế cũng như sự thống nhất giữa hai bên gia đình của đôi trai gái, cũng như tùy vào là hôn nhân cùng tộc hay khác tộc giữa người Brâu với người Brâu hoặc người Brâu với các tộc người khác, mà các nghi lễ ăn hỏi có hoặc không diễn ra.

Nói cách khác, lễ ăn hỏi không phải có ở tất cả các gia đình của người Brâu. Cụ thể, những cô gái Brâu lấy chồng là người cùng dân tộc hay các dân tộc khác, đa số chỉ có lễ dạm ngõ và lễ cưới, trừ khi cô gái Brâu lấy chồng là dân tộc Kinh lễ ăn hỏi có thể có hoặc không, phụ thuộc vào sự thỏa thuận giữa hai bên gia đình, còn đối với các chàng trai Brâu lấy vợ là người dân tộc khác như dân tộc Nùng... thì lễ ăn hỏi sẽ được diễn ra như đã trình bày ở trên.

2.3. Lễ cưới (*nhét bodoong me boro*)

Lễ cưới được diễn ra khi hai bên gia đình của đôi trai gái đã được bàn bạc và thống nhất, chọn ngày lành tháng tốt để tổ chức.

Thời gian tổ chức lễ cưới của người Brâu trước đây và ngày nay đều không có quy định cụ thể, mà phụ thuộc vào việc chuẩn bị và điều kiện kinh tế của hai bên gia đình, cũng có khi được tổ chức ngay sau các lễ như chúng tôi đã đề cập ở trên, hoặc sau một vài tháng, thậm chí sau một năm tùy vào sự thống nhất của đôi bên. Một phụ nữ người Brâu cho biết: “Em sinh năm 1994, là người Brâu ở Đăk Mế, lấy chồng là người Rơ-ngao, sinh năm 1992, là người ở Đăk Tô. Gặp nhau ở xã Đăk Xú trong một đám cưới người quen, gặp nhau xong 1 tuần chồng theo về nhà mình chơi, sau đó mình về nhà chồng chơi, rồi sau đó được mấy tháng thì hai gia đình gặp nhau (ngày 25/5/2012), nhà trai lên hơn 20 người đi xe khách lên, mang theo lễ là 1 con gà, 1 ghè rượu. Nhà gái làm cơm mời nhà trai (cơm lam ăn với thịt heo). Từ đây chồng về ở cùng nhà vợ luôn đến tháng 3/2013 tổ chức cưới (đăng ký kết hôn luôn) tại nhà gái nên nhà trai lên 100 khách, tổ chức cưới theo như hiện nay (thuê dịch vụ cưới trọn gói từ ăn uống, chụp ảnh, người dẫn chương trình, loa đài, dàn nhạc, phong bật, trang phục)”

(PVS. Y C... - nữ, người Brâu, 26 tuổi, thôn Đăk Mế, tháng 12/2020).

Trước đây, lễ cưới được tổ chức tại nhà gái, và nhà trai phải chuẩn bị vật chất cho lễ cưới này, nếu gia đình khá giả thì lễ vật là trâu, bò và nhiều rượu, ít thì cũng phải có heo, gà và rượu đủ dùng cho hai gia đình và cả cộng đồng (Bùi Ngọc Quang, 2017, tr.59). Lễ cưới thường tổ chức trong 3 ngày: *ngày thứ nhất*, tất cả mọi người trong cộng đồng đến giúp chuẩn bị công việc cho lễ cưới của đôi trai gái, người lấy măng, lấy củi, người gùi nước, nấu cơm, đặc biệt các gia đình đều đem rượu ghè đến để chung vui, khi công việc chuẩn bị đã xong, ông mối (chủ lễ) chuẩn bị một con gà, một ghè rượu để làm lễ cúng trước sân nhà gái, thông báo với *Jàng Bra Bai Phau* biết việc gia đình và cộng đồng tổ chức lễ cưới cho đôi trai gái; *ngày thứ hai*, ngay từ lúc mặt trời vừa mọc, mọi người lại tiếp tục chuẩn bị cho ngày hội mừng đám cưới, công việc được phân chia đều theo khả năng của từng người (người thì giết thịt trâu, bò hay heo, gà, để chế biến thức ăn, người thì lấy nước bở củi...), tất cả tạo nên một không khí vui vẻ, kết đoàn của cả cộng đồng, là ngày vui nhất để mọi người cùng ăn uống, vui chơi ca hát, nhảy múa; *ngày thứ ba*, ông mối làm tiếp phận sự của mình, khi mặt trời đã lên cao, mọi người đã kịp tỉnh sau hai đêm hội tung bưng, cũng là lúc ông mối làm lễ tạ ơn *Jàng*, lễ vật là một ghè rượu cần và một con gà (xem thêm: Bùi Ngọc Quang, 2017, tr.60-61).

Ngày nay, do tác động của đổi mới, giao lưu và hội nhập, lễ cưới của người Brâu đã có nhiều biến đổi, đám cưới được tổ chức theo kiểu của người Kinh, tức thuê dịch vụ cưới trọn gói từ ăn uống, chụp ảnh,

người dẫn chương trình, loa đài, dàn nhạc, phong bật, trang phục (váy cưới của cô dâu và bộ com lê của chú rể), thậm chí có những trường hợp cô dâu nhà ở xa thì được đón dâu bằng xe ô tô có trang trí hoa tươi... Đồng thời, trong đám cưới của người Brâu hiện nay, thanh niên chủ yếu hát những bài hát phổ thông mà ít ai hát bài dân ca của dân tộc mình, rượu cần trước đây đã được thay bằng bia và rượu trong chai đóng sẵn.

Dịch vụ cưới trọn gói của người Brâu ở thôn Đắc Mế đã có từ năm 2010 đến nay (tức khoảng 10 năm trở lại đây). Do đó, lễ cưới hiện nay được diễn ra trong vòng 1 ngày, trước ngày tổ chức đám cưới là ngày chuẩn bị của cả hai bên gia đình nhà trai và nhà gái. Khâu chuẩn bị này là dựng rạp bằng khung sắt, phong bật bằng vải có sắc màu (trắng, tím, hồng...), bàn ghế, bát đĩa, ấm chén... đều do bên dịch vụ cung cấp, do đó, họ hàng và những người xung quanh xóm không phải đến giúp như trước đây, thêm vào đó, gia đình cũng không phải chuẩn bị cơm nước để cảm ơn những người đến giúp nhà mình như trước nữa, tất cả hiện đều thuê trọn trong gói dịch vụ và bên dịch vụ tổ chức cưới sẽ chịu trách nhiệm phục vụ theo thỏa thuận, gia đình chỉ cần chi tiền cho gói dịch vụ mà mình đã chọn, bao gồm cả cỗ cưới.

Thông thường, hiện nay, tổ chức đám cưới trọn gói theo dịch vụ đối với những gia đình có điều kiện sẽ chi phí hết khoảng 80 - 100 triệu đồng/đám, còn đối với các gia đình có mức kinh tế trung bình sẽ hết 30 - 50 triệu đồng/đám, tùy vào điều kiện kinh tế và mối quan hệ của hai bên gia đình mà số tiền cho một đám cưới được tổ chức theo dịch vụ trọn gói có thể chọn ở mức cao hay thấp. Một người đàn ông Brâu chia sẻ:

“Nhà em và nhà vợ tổ chức đám cưới đều thuê dịch vụ cưới trọn gói, vừa tiện lợi và cũng đỡ được bao nhiêu công sức cho việc chuẩn bị so với trước đây, cũng không phải kéo dài thời gian nhiều ngày. Tuy nhiên, chi phí cho thuê dịch vụ thì cao hơn nhiều, tốn kém hơn trước, nhà gái hết 70-80 triệu (bao gồm phong bật, loa đài, bàn ghế dịch vụ đầy đủ và 35 mâm cỗ), mỗi mâm là 10 người, nhà trai hết 90 triệu (45 mâm), ngoài ra lúc cưới là bọn em thuê chụp ảnh cưới có album ảnh hết 4 triệu (chụp riêng)” (PVS: Thao BR. - nam, người Brâu, 29 tuổi, thôn Đắc Mế, tháng 12/2020). Do vậy, ngoài chi phí cho phong bật, loa đài, bàn ghế và các dịch vụ khác, trong đám cưới hiện nay của người Brâu, bình quân một mâm cỗ hết khoảng 1 triệu đồng/mâm, quy mô mỗi đám cưới từ 30 - 50 mâm cỗ, các món trong mâm cỗ cưới của người Brâu hiện nay gồm có 07 món chính, 01 món tráng miệng (hoa quả, sữa chua) và 01 loại nước uống (nước ngọt, bia, nước suối tinh khiết). Tùy vào gia đình đặt món, thông thường các món trong mâm cỗ cưới của người Brâu hiện nay gồm: 1. Gà luộc, 2. Thịt bò cuốn nấm, 3. Heo rừng hấp sả, 4. Lẩu hải sản (tôm, mực, ngao, cá, rau, bún), 5. Xôi, 6. Xúp, 7. Nem chua/chả giò.

Theo ý kiến của đa số người Brâu, do chi phí thuê dịch vụ nhiều và cao hơn so với trước đây tự tổ chức, sau mỗi đám cưới, nhiều gia đình của cô dâu và chú rể phải gánh món nợ nhiều năm mới trả hết được, có gia đình thậm chí bán trâu bò, lợn gà hoặc phải vay Ngân hàng Chính sách Xã hội để trả nợ. Tuy nhiên, xu hướng tổ chức cưới xin theo dịch vụ thuê trọn gói lại được người dân Brâu lựa chọn nhiều hơn là tổ chức theo phong tục tập quán như trước đây. Họ cho rằng, mặc dù tốn kém hơn nhưng nó

hiện đại hơn, thuận tiện hơn và lớp trẻ hầu như đều lựa chọn cưới theo hình thức này. Một người đàn ông Brâu cho biết: “Tính ra tổ chức cưới như hiện nay rất thuận tiện, mặc dù tốn kém về kinh tế, nhưng không tốn công sức, mọi người đều ủng hộ theo hình thức tổ chức cưới thuê dịch vụ trọn gói này. Thông thường, thuê dịch vụ mình phải đặt cọc trước là 10 triệu, sau khi cưới xong thì mang đến trả hết cho họ. Như nhà em tổng kinh phí tổ chức cưới trọn gói này bên ngoài chi ra hết 82 triệu thì thu vào là 70 triệu (lỗ), còn bên nội chi ra 90 triệu, thu vào 96 triệu nên 2 vợ chồng vẫn còn dư được 6 triệu để trang trải thêm sau cưới” (PVS. BR. - nam, người Brâu, 29 tuổi, thôn Đắc Mế, tháng 12/2020).

Trước đây, lễ cưới có ông mối là người đứng ra làm lễ tổ chức đám cưới cho đôi trai gái. Kể cả sau đó, ông mối vẫn luôn có trách nhiệm với đôi vợ chồng trẻ. Ông mối đi cùng cuộc đời của đôi trai gái - từ lúc ướm hỏi, tới lễ thức trao vòng cầu hôn (lễ dạm hỏi), rồi lễ cưới và trong trách nhiệm với đôi vợ chồng trong cuộc sống gia đình. Vì thế, đôi vợ chồng luôn phải chịu ơn, thường xuyên quan tâm, thăm hỏi ông mối của mình. Nếu đôi lứa trong cuộc sống vợ chồng mọi điều tốt đẹp (ăn nên làm ra, khỏe mạnh, thuận hòa, sinh con đẻ cái...) thì đây là hạnh phúc không chỉ của hai vợ chồng mà là hạnh phúc của gia đình và cộng đồng. Do đó, niềm hạnh phúc này khẳng định vai trò của ông mối - người tác thành hoàn hảo cho đôi trai gái trong cuộc sống hôn nhân, gia đình (Bùi Ngọc Quang, 2017, tr.63).

Ngày nay, vai trò của ông mối đang dần bị phai mờ, thậm chí không còn tồn tại trong các nghi lễ cưới xin của người Brâu, bởi sự giao thoa văn hóa, đặc biệt hôn nhân hỗn hợp giữa các tộc người, trong cộng

đồng của người Brâu, đồng thời, với sự phát triển của khoa học công nghệ hiện đại, của kinh tế thị trường, và sự phát triển chung của xã hội, đã xuất hiện các dịch vụ đáp ứng được nhu cầu của người dân Brâu, như dịch vụ cưới trọn gói là một minh chứng cụ thể. Chính vì thế, việc trai gái Brâu quen nhau qua điện thoại, mạng Zalo, Facebook và chủ động tìm hiểu và quyết định đi đến hôn nhân, cùng với việc tổ chức cưới theo kiểu người Kinh (dịch vụ cưới trọn gói) đã thay thế vị trí và vai trò của ông mối trong các nghi lễ cưới xin của người Brâu hiện nay.

2.4. Lễ lại mặt (tơ vinh chem)

Lễ lại mặt trong nghi lễ cưới xin của người Brâu trước đây được diễn ra sau lễ cưới khoảng 1 - 2 ngày, người con trai đưa vợ và cha mẹ vợ lại thăm gia đình nhà mình với mục đích để nhà gái đáp lễ nhà trai đã tặng cho họ một chàng rể quý và một lễ cưới chu đáo, vui vẻ. Cha mẹ cô gái phải mang sang nhà trai lễ vật, gồm một ghè rượu, gà, heo, thuốc hút để cảm ơn nhà trai để cùng ăn uống. Họ có thể quay về hay ngủ lại đêm ở nhà trai nếu đường xa, nhưng khi quay về, chàng rể không quên mang theo những đồ dùng cá nhân để tiếp tục ở bên nhà vợ trong những tháng ngày tiếp theo (Bùi Ngọc Quang, 2017, tr.64).

Ngày nay, lễ lại mặt này có thể diễn ra hay không tùy thuộc vào hai bên gia đình của đôi trai gái. Nếu cả hai đều là người Brâu, lễ lại mặt có thể sẽ diễn ra như trước đây; trường hợp nếu người con trai là người Brâu lấy vợ là người các dân tộc khác thì lễ này thường không diễn ra, còn nếu người con gái là người Brâu lấy chồng là người dân tộc khác thì sẽ tùy thuộc vào sự thỏa thuận của hai bên. Hầu như lễ lại mặt của

người Brâu hiện nay không còn diễn ra nhiều như trước đây, có thể nói họ đã giảm bớt các nghi lễ để phù hợp với thực tế và nhu cầu của cả hai bên gia đình. Đối với trường hợp diễn ra lễ lại mặt, bên phía nhà gái hiện nay, nếu ở xa, thường thuê nhà nghỉ trong xã để ở lại, do đó, họ không còn nghỉ lại trong nhà trai như trước đây.

2.5. Trang phục trong ngày cưới của cô dâu, chú rể và quà mừng cưới

Trước đây, trang phục trong ngày cưới của cô dâu thường là váy (*chor đang*), áo đổi của các tộc người lân cận, có khi cả váy áo của người Kinh, chú rể thì mặc khố và áo của các tộc người như Xơ-đăng, Gié – Triêng... Ngày nay, trang phục của cô dâu là váy cưới tân thời, chú rể mặc com lê, tất cả đều thuê từ dịch vụ cưới trọn gói.

Quà mừng trong đám cưới của cô dâu và chú rể là từ phía gia đình, họ hàng, bạn bè gần xa của hai bên. Hiện nay, bố mẹ cô dâu hay chú rể thường mừng quà cưới cho con bằng vàng (từ 1 - 2 chỉ), tiền (5 - 10 triệu) tùy thuộc vào điều kiện kinh tế của gia đình mà bố mẹ có thể cho nhiều hay ít, những người thân thiết ruột thịt như bà nội, bà ngoại, cô dì, chú bác có thể đều mừng vàng. Một phụ nữ người Nùng cho biết: “Tiền cưới xin của 2 vợ chồng đều do bố mẹ chồng cho, còn bên phía nhà mình thì mẹ và bố dượng mình cho 2 chỉ, bố đẻ mình cũng cho 2 chỉ, bác cho 1 chỉ, bà ngoại cho 0,5 chỉ (tổng quà cưới bên ngoại là được 5,5 chỉ), bên nội cho cả 2 vợ chồng cũng 5,5 chỉ” (PVS: Hoàng Y Ph... nữ, dân tộc Nùng, 19 tuổi, lấy chồng là người Brâu, thôn Đắc Mế, tháng 12/2020). Đối với khách mời, quà mừng cưới đều bằng phong bì, dao động từ 200.000 đồng đến 1 triệu đồng/ phong bì/ khách, tùy vào mối quan hệ giữa khách mời với gia chủ.

3. Kết luận

Trong khoảng 10 năm trở lại đây, đời sống kinh tế, văn hóa của người Brâu làng Đắc Mế đã có nhiều thay đổi. Với xu hướng hôn nhân hỗn hợp tộc người, nam nữ thanh niên Brâu hiện nay không quan niệm rằng vấn đề lấy vợ, lấy chồng người dân tộc khác là không nên, thậm chí, họ còn mong muốn lấy người dân tộc khác để được mở rộng giao lưu và tăng thêm dân số cho chính dân tộc của họ. Do đó, các nghi thức trong hôn nhân truyền thống của người Brâu đang dần được loại bỏ; từ sự đan xen giữa những yếu tố lễ nghi truyền thống và yếu tố mới đã thể hiện rõ sự cố kết của họ trong cộng đồng và sự hòa nhập văn hóa trong bối cảnh mới hiện nay. Sự biến đổi là quá trình tất yếu của đời sống con người, vì vậy, sự thay đổi trong các nghi lễ cưới xin của người Brâu hiện nay không phải là ngoại lệ. Quá trình biến đổi trong nghi lễ hôn nhân của người Brâu ở Đắc Mế, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum, trong những năm qua bao gồm những yếu tố tích cực và hạn chế, tác động đến sự phát triển bền vững của họ. Cụ thể, yếu tố tích cực là trong các nghi lễ cưới xin của người Brâu hiện nay vẫn lưu giữ được văn hóa tộc người như lễ dạm hỏi, lễ cưới, và đơn giản hóa một số tập tục rườm rà cho phù hợp với đời sống mới... Tuy nhiên, từ những yếu tố mới trong nghi lễ cưới xin của người Brâu hiện nay, một số biến đổi dẫn đến sự mai một văn hóa truyền thống, như cắt bỏ hay đơn giản hóa một số nghi thức mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc. Từ khâu tổ chức hôn lễ, đến trang phục, cô dâu, chú rể, thuê dịch vụ cỗ bàn, loa đài, phong bát, và đặc biệt quà mừng cưới bằng phong bì, đã gây tổn kém, lãng phí tiền của, đồng thời để lại gánh nặng nợ nần cho gia đình đôi tân hôn và kể cả những gia đình đến mừng cưới... Đặc biệt, tình trạng cho phép sống trước hôn nhân của các đôi trai gái khi

chưa đến tuổi kết hôn vẫn còn tồn tại trong lễ cưới của người Brâu hiện nay. Điều này tác động tiêu cực đến thể lực, trí lực và sức khỏe giống nòi của người Brâu (Thủ tướng Chính phủ, 2015). Vấn đề tảo hôn còn tước đi quyền được học hành, vui chơi của trẻ vị thành niên, là nguyên nhân dẫn đến đói nghèo cho cha mẹ và thất học cho con cái và tỉ lệ tảo hôn ngày càng gia tăng. Thực trạng kết hôn không đăng ký đã và đang diễn ra khá phổ biến ở người Brâu. Điều đó không chỉ vi phạm Luật Hôn nhân và Gia đình mà còn gây khó khăn cho công tác quản lý hộ khẩu nói riêng, quản lý xã hội nói chung tại địa phương.

Chú thích

² Bài viết là kết quả nghiên cứu của đề tài cấp Bộ năm 2020-2021 về "Biến đổi hôn nhân và gia đình của người Brâu hiện nay", do Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam chủ trì, TS. Bùi Ngọc Quang làm chủ nhiệm.

³ Dâu có 26 người (Mường: 1, Thái: 2, Xơ-đăng: 21, Nùng: 1, Campuchia: 1); rế có 30 người (Kinh: 4, Mường: 6, Thái: 3, Xơ-đăng: 16, Lào: 1). Con của các cặp vợ chồng giữa người Brâu và các tộc người này được tính là người Brâu.

Tài liệu tham khảo

1. Chính phủ (2002), *Nghị định số 32/2002/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/3/2002 Quy định việc áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình đối với các dân tộc thiểu số*, Hà Nội.

2. Nguyễn Thế Huệ (2001), *Dân số và phát triển của dân tộc Brâu và Rơ Măm ở Tây Nguyên*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
3. Bùi Ngọc Quang (2004), *Hôn nhân và gia đình của người Brâu*, Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Kon Tum xuất bản.
4. Bùi Ngọc Quang (2017a), *Hôn nhân và gia đình của người Brâu ở Việt Nam*, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.
5. Bùi Ngọc Quang (2017b), "Nghiên cứu về dân tộc Brâu từ năm 1986 đến nay" trong *Các dân tộc ở Việt Nam*, t.3 (nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ-me), Vương Xuân Tình (Chủ biên), Viện Dân tộc học, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
6. Quốc hội (2014), *Luật Hôn nhân và Gia đình*, Hà Nội.
7. Thủ tướng Chính phủ (2015), *Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 14/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt đề án giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 - 2025*, Hà Nội.
8. Tổng cục Thống kê (2019), *Tổng điều tra Dân số và Nhà ở Việt Nam năm 2019*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
9. Đặng Nghiêm Vạn (Chủ biên) (1981), *Các dân tộc tỉnh Gia Lai - Kon Tum*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
10. Viện Dân tộc học (1984), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Nam)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
11. Viện Dân tộc học (1993), *Sổ tay về các dân tộc Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.